

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 1321 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 10 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Linh đến năm 2040

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng;

Căn cứ Kế hoạch số 2424/KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đến năm 2040;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 219/TTr-SXD ngày 29 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Linh đến năm 2040 với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Linh đến năm 2040.

2. Phạm vi, ranh giới: Phạm vi lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Linh bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Đức Linh (gồm 13 đơn vị hành chính, trong đó: 2 thị trấn và 11 xã); tổng diện tích quy hoạch khoảng 54.657 ha, ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp: Huyện Tánh Linh;
- Phía Tây giáp: Các huyện Tân Phú và Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Phía Nam giáp: Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
- Phía Bắc giáp: Huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

3. Tính chất: Là trung tâm kinh tế của vùng kinh tế La Ngà - tỉnh Bình Thuận với đô thị hạt nhân là thị trấn Võ Xu. Là vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao, chủ yếu phát triển vùng chuyên canh sản xuất kết hợp công nghệ cao; phát triển du lịch sinh thái hồ, thác; phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp (tập trung, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng).

4. Mục tiêu quy hoạch:

- Triển khai thành công mô hình thí điểm xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Đức Linh theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Định hướng nhằm tạo động lực phát triển thị trấn Võ Xu đến năm 2030 lên đô thị loại IV.

- Đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, điểm dân cư nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội để định hướng phát triển kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

5. Dự báo phát triển vùng:

a) Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2030 khoảng 13-14%/năm, giai đoạn 2030-2040 khoảng 14-15%/năm.

- Cơ cấu kinh tế:

+ Đến năm 2030: Các ngành nông lâm, thủy sản khoảng 28%; công nghiệp, xây dựng khoảng 40%; thương mại, dịch vụ khoảng 32%.

+ Đến năm 2040: Các ngành nông lâm, thủy sản khoảng 20%; công nghiệp, xây dựng khoảng 45%; thương mại, dịch vụ khoảng 35%.

b) Dự báo quy mô dân số:

- Dân số đến năm 2030: Khoảng 147.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 74.000 người.

- Dân số đến năm 2040: Khoảng 157.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 95.000 người.

c) Đất đai:

- Đất đô thị: Diện tích đất đô thị hiện trạng khoảng 5.874 ha (Võ Xu và Đức Tài), giai đoạn 2030 khoảng 9.576 ha (Võ Xu, Đức Tài và hình thành đô thị mới Đông Hà), giai đoạn 2040 khoảng 16.051 ha (Võ Xu, Đức Tài, Đông Hà và hình thành đô thị mới Mê Pu).

- Đất xây dựng đô thị: Giai đoạn 2030 khoảng 1.255 ha, giai đoạn 2040 khoảng 1.755 ha.

- Đất cụm công nghiệp:

+ Giai đoạn đến 2030 phát triển đất công nghiệp khoảng 500 ha, dự kiến diện tích lấp đầy khoảng 70%.

+ Giai đoạn đến 2040 phát triển đất công nghiệp là khoảng 650 ha, dự kiến diện tích lấp đầy khoảng 80%.

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU KINH TẾ - KỸ THUẬT

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1000 người	140-160	150-180
	Tăng trung bình/năm trong giai đoạn trong đó:			
	- Tăng tự nhiên	%	0,87	0,70
	- Tăng cơ học	%	-0,10	-0,05
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	50-55	60-65
3	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	205-215	175-185
4	Chỉ tiêu nhà ở trung bình	m ² sàn/người	26,5-29	26,5-29
5	Chỉ tiêu cấp điện			
5.1	Cấp điện sinh hoạt			

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
	<i>Đô thị</i>	<i>kw/người</i>	400	1.000
	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>kw/người</i>	200	500
5.2	Công nghiệp	kw/ha	50-200	50-200
5.3	Công cộng-Dịch vụ			
	<i>Đô thị</i>	<i>% phụ tải điện sinh hoạt đô thị</i>	30	30
	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>% phụ tải điện sinh hoạt của xã</i>	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước			
6.1	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	<i>Đô thị</i>		120	150
	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>		80	100
6.2	Công nghiệp	m ³ /ha/ngày	25 - 45	25 - 45
6.3	Công cộng	% Qsh	10	10
7	Thu gom nước thải			
7.1	Nước thải sinh hoạt			
	<i>Đô thị</i>	<i>%Qsh</i>	80	90
	<i>Nông thôn</i>	<i>%Qsh</i>	80	90
7.2	Nước thải công nghiệp	% Qcn	80	90
8	Chỉ tiêu cây xanh đô thị			
8.1	Đô thị loại IV	m ² /người	≥5	≥5
8.2	Đô thị loại V	m ² /người	≥4	≥4
9	Chỉ tiêu đất giao thông (tính đến đường liên khu vực)	% đất xây dựng	≥6	≥6

6. Định hướng quy hoạch sử dụng đất: Theo Phụ lục I đính kèm

7. Định hướng quy hoạch phát triển không gian:

7.1. Mô hình phát triển của vùng huyện Đức Linh: Phát triển kinh tế tổng hợp, gồm: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông lâm thủy sản và du lịch sinh thái.

7.2. Khung cấu trúc phát triển không gian vùng huyện Đức Linh:

a) Các trục giao thông định hướng không gian kinh tế chính, gồm:

- 03 trục dọc Bắc – Nam, gồm: Trục tỉnh lộ ĐT.766, trục vành đai phía Tây và trục vành đai phía Đông.

- 08 trục ngang Đông – Tây, gồm: Trục Đông Hà - Gia Huỳnh (ĐH-ĐL03) kết nối trục ĐT.766 với trục vành đai phía Đông và các cụm công nghiệp tại Đông Hà và huyện Tánh Linh; trục Đông Hà - Z30A (ĐH-ĐL04) kết nối trục ĐT.766 với trục vành đai phía Đông và các cụm công nghiệp tại

xã Đông Hà; trục ĐT.766 - thôn 5 Trà Tân (ĐH-ĐL05) kết nối trục ĐT.766 và trục vành đai phía Tây; trục ĐT.766 - Suối kè Tân Hà (ĐH-ĐL06) kết nối trục ĐT.766 với vành đai phía Đông và huyện Tánh Linh; trục ĐT.766 đi Cầu Bến thuyền Đức Tín (ĐH-ĐL07) kết nối trục ĐT.766 với vành đai phía Tây và huyện Định Quán; trục Vũ Hòa - Nam Chính - Đa Kai (ĐH-ĐL09, ĐH-ĐL10) kết nối với trục vành đai phía Đông và phía Tây với huyện Tân Phú; trục ĐT.720 kết nối đô thị Võ Xu với huyện Tánh Linh; trục ĐH Mê Pu - Đa Kai - Đồng Kho (ĐH/MP-DK, ĐH/MP-ĐKH) nối xã Mê Pu, Sùng Nhơn, Đa Kai với huyện Tân Phú và huyện Tánh Linh.

b) Các điểm đô thị hạt nhân gồm 04 đô thị; trong đó 02 đô thị hiện hữu, 02 đô thị hình thành trong tương lai.

- Đô thị Võ Xu: Trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại dịch vụ, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp thuộc tiểu vùng trung tâm của huyện.

- Đô thị Đức Tài: Trung tâm kinh tế tổng hợp, thương mại dịch vụ thuộc tiểu vùng phía Tây của huyện.

- Đô thị Mê Pu (quy hoạch mới): Đô thị kinh tế nông lâm nghiệp, thương mại dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuộc tiểu vùng phía Bắc của huyện. Đô thị hình thành mới, phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Mê Pu hiện hữu.

- Đô thị Đông Hà (quy hoạch mới): Trung tâm kinh tế công nghiệp, thương mại dịch vụ thuộc tiểu vùng phía Nam của huyện. Đô thị hình thành mới, phát triển trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Đông Hà hiện hữu.

7.3. Phân vùng phát triển:

a) Phát triển không gian huyện theo 04 tiểu vùng:

- Tiểu vùng I: Vùng kinh tế động lực (trung tâm) gồm thị trấn Võ Xu, các xã Vũ Hòa, Đức Chính - Nam Chính; trong đó đô thị hạt nhân của tiểu vùng là thị trấn Võ Xu; năm 2020 xã Đức Chính sáp nhập với xã Nam Chính. Định hướng phát triển trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa - xã hội của huyện; phát triển đô thị, dịch vụ công nghiệp, dịch vụ thương mại; giáo dục đào tạo, chuyển giao công nghệ; phát triển nông nghiệp công nghiệp cao, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; công nghiệp đa ngành nghề, chế biến nông lâm sản.

- Tiểu vùng II: Vùng nông lâm nghiệp (phía Bắc), gồm các xã Mê Pu, Sùng Nhơn, Đa Kai; trong đó đô thị hạt nhân của tiểu vùng là đô thị Mê Pu. Định hướng phát triển thành vùng chuyên canh cây trồng tập trung, năng suất cao, áp dụng công nghệ cao; phát triển chăn nuôi bán tập trung, nuôi trồng

thủy sản tập trung; sản xuất vật liệu xây dựng nhất là gạch xây dựng, các sản phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn; công nghiệp gia công, lắp ráp, chế biến các sản phẩm nông lâm nghiệp, nước khoáng; phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

- Tiểu vùng III: Vùng đô thị - dịch vụ thương mại tổng hợp (phía Tây), gồm thị trấn Đức Tài, các xã Đức Hạnh, Đức Tín; trong đó đô thị hạt nhân của tiểu vùng là thị trấn Đức Tài. Định hướng phát triển đô thị, phát triển các khu dân cư gắn với phát triển thương mại dịch vụ dọc theo các trục giao thông tỉnh lộ, huyện lộ, đường vành đai; phát triển các vùng cây trồng chuyên canh tập trung, chăn nuôi bán tập trung; phát triển du lịch sinh thái gắn với các vùng cây ăn trái, cảnh quan môi trường; phát triển công nghiệp đa ngành, công nghiệp chế biến nông nghiệp, sản xuất điện năng.

- Tiểu vùng IV: Vùng công nghiệp (phía Nam), gồm các xã Tân Hà, Trà Tân, Đông Hà; trong đó, đô thị hạt nhân của tiểu vùng là đô thị Đông Hà. Định hướng phát triển công nghiệp tập trung đa ngành nghề, công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; hình thành cụm công nghiệp tập trung và các khu dịch vụ hậu cầu hỗ trợ phát triển dịch vụ công nghiệp, dịch vụ thương mại; phát triển các vùng cây chuyên canh, phát triển chăn nuôi tập trung; phát triển dịch vụ du lịch sinh thái gắn với vùng cây ăn trái và cảnh quan môi trường.

b) Kiểm soát phát triển không gian vùng:

- Vùng cảnh quan không gian mở:

+ Vùng cảnh quan sông nước: Gồm hệ thống sông La Ngà, hồ Tân Hà, thác Reo, thác Mai, thác 03 tầng, khu vực nước khoáng Đa Kai; đây là hệ thống sông, hồ, thác phục vụ cấp điện, cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái.

+ Vùng cảnh quan sinh thái rừng: Khu di tích, bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đức Linh, vùng lâm nghiệp rừng trồng.

- Vùng hạn chế, cấm xây dựng: Hạn chế xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng; khu bảo tồn thiên nhiên; các khu đất quốc phòng, an ninh; khu vực hành lang bảo vệ xung quanh hồ Tân Hà, hành lang bảo vệ đê bao; các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở không ổn định nền đất để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước. Cấm xây dựng trong khu vực rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ đầu nguồn.

7.4. Định hướng phát triển các đô thị:

- Đến năm 2030: Huyện Đức Linh có 03 đô thị, trong đó tập trung cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp 02 đô thị hiện hữu, đáp ứng tối đa các tiêu chuẩn

đô thị loại V cho đô thị Đức Tài và lộ trình nâng loại đô thị Võ Xu thành đô thị loại IV. Hình thành đô thị mới Đông Hà theo chuẩn đô thị loại V.

- Đến năm 2040: Huyện Đức Linh có 04 đô thị, đô thị Võ Xu theo chuẩn đô thị loại IV, đô thị Đức Tài, đô thị Đông Hà theo chuẩn đô thị loại V và hình thành đô thị mới Mê Pu theo chuẩn đô thị loại V.

7.5. Định hướng phát triển khu vực nông thôn:

Huy động nguồn lực để phát triển hạ tầng nông thôn theo chương trình nông thôn mới, theo quy hoạch, tiêu chuẩn xây dựng nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô thích hợp để nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm nông nghiệp thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái.

Phát triển các khu dân cư ở mới, các khu vực chức năng theo tốc độ phát triển quy mô dân số và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các xã phù hợp với chiến lược phát triển chung của toàn huyện.

7.6. Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

- Đến năm 2030: Phát triển công nghiệp vùng huyện Đức Linh có quy mô khoảng 549,16 ha. Bao gồm 09 cụm công nghiệp, trong đó có 06 cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Thuận đến năm 2020 (gồm cụm công nghiệp Sùng Nhơn diện tích 30 ha, cụm công nghiệp Mê Pu diện tích 40 ha, cụm công nghiệp Hàm Sỏi - Võ Xu diện tích 25,34 ha, cụm công nghiệp Đông Hà diện tích 38,40 ha, cụm công nghiệp Nam Hà diện tích 70,42 ha, cụm công nghiệp Nam Hà 2 diện tích 74 ha); 03 cụm công nghiệp dự kiến đề xuất bổ sung (cụm công nghiệp tại xã Tân Hà khoảng 74 ha, cụm công nghiệp tại xã Trà Tân khoảng 70 ha, cụm công nghiệp Nam Hà 3 khoảng 75 ha) và duy trì 03 điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề tập trung hiện có (gồm 01 điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề tập trung tại xã Đức Hạnh khoảng 25 ha, 01 điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề tập trung tại xã Đức Tín khoảng 12 ha, 01 điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung tại xã Vũ Hòa khoảng 15 ha).

- Giai đoạn đến năm 2040: Tiếp tục phát triển công nghiệp vùng huyện Đức Linh trên cơ sở 9 cụm công nghiệp ở giai đoạn trước. Tùy theo tình hình phát triển công nghiệp và nhu cầu đất công nghiệp có thể phát triển trên đất dự trữ phát triển công nghiệp (khu vực phía Bắc khoảng 40 ha, khu vực phía Nam khoảng 76 ha).

7.7. Phân bố không gian phát triển nông nghiệp:

a) Vùng sản xuất tập trung và nông nghiệp công nghệ cao:

- Vùng cây hằng năm: Tập trung phát triển các vùng cây chuyên canh quy mô lớn như cây lúa, bắp, rau an toàn, ổn định 8.600 ha đất chuyên trồng lúa theo quy hoạch của tỉnh nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

- Vùng cây công nghiệp, cây lâu năm: Tập trung phát triển các loại cây trồng chủ lực như cây điều, cây tiêu, cây cao su. Giảm diện tích cây cao su theo lộ trình nhằm chuyển sang đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp khác phục vụ thực hiện các dự án công nghiệp, trang trại chăn nuôi và đầu tư xây dựng công trình phát triển kinh tế xã hội.

- Vùng cây ăn quả: Tập trung phát triển 02 loại cây ăn quả chủ lực có quy mô lớn trên địa bàn huyện là bưởi và sầu riêng. Ngoài ra còn phát triển các loại cây ăn quả khác như: Xoài, bơ, mít, chuối ...

b) Vùng lâm nghiệp: Định hướng phát triển lâm nghiệp của huyện trong thời gian tới là ổn định diện tích đất lâm nghiệp hiện có. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng, giữ vững ổn định diện tích đất rừng. Tận dụng trồng rừng để phủ kín đất lâm nghiệp, đất đồi trọc; vận động nhân dân trồng rừng phân tán và trồng cây lấy gỗ theo hướng thâm canh, coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả cao đảm bảo cung cấp nguyên liệu giấy, ván nhân tạo, nguyên liệu gỗ gia dụng, gỗ xây dựng và các loại cây đặc sản, cây công nghiệp.

c) Nuôi trồng thủy sản: Phát triển thủy sản theo hướng đa dạng, tận dụng tối đa tiềm năng mặt nước hiện có để nuôi trồng thủy sản thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu tại địa phương; áp dụng quy trình công nghệ nuôi tiên tiến và chọn loại giống thủy sản có giá trị kinh tế cao để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trên cơ sở đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước. Khai thác mặt nước chuyên dùng ở các ao bầu, hồ đập, chuyển đổi những vùng trũng ven sông, suối và tận dụng vùng khai thác nguyên liệu đất sét tại Sùng Nhơn, Mê Pu, Vũ Hòa, Đức Tín để cải tạo mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung.

d) Chăn nuôi: Thực hiện các chính sách hỗ trợ để phát triển chăn nuôi nhằm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi. Quy hoạch các vùng phát triển chăn nuôi tập trung với diện tích khoảng 500 ha, chủ yếu tập trung tại các xã Đông Hà, Trà Tân, Tân Hà, Đức Tín, Vũ Hòa, Đa Kai. Thực hiện lộ trình sắp xếp lại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo hướng duy trì 02 cơ sở giết mổ tại thị trấn Đức Tài, Đức Tín. Quy hoạch 01 cơ sở giết mổ tập trung quy mô lớn tại khu vực Trà Tân - Đông Hà để giết mổ kết hợp chế biến thực phẩm gia súc gia cầm, quy hoạch phát triển 03 cơ sở giết mổ vệ tinh (01 cơ sở tại Võ Xu , 01 cơ sở tại xã Vũ Hòa và 01 cơ sở tại xã Mê Pu).

7.8. Không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường:

a) Định hướng phát triển không gian du lịch: Quy hoạch các điểm du lịch với các loại hình đa dạng trên địa bàn huyện khoảng 212 ha, bao gồm: Các điểm du lịch sinh thái cảnh quan, nghỉ dưỡng kết hợp khu vui chơi giải trí (Khu du lịch hồ Tân Hà, Khu du lịch thác Reo, khu du lịch sinh thái thác 3 tầng, khu du lịch nước khoáng Đa Kai); các điểm di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng (Khu di tích khảo cổ học Đa Kai, khu di tích lịch sử tượng đài Đa Kai, khu di tích lịch sử cách mạng Lò Ô Sùng Nhơn, khu di tích cách mạng Núi Dinh). Từ đó xây dựng các tuyến du lịch trên địa bàn huyện và các tuyến du lịch liên vùng.

b) Không gian cây xanh, mặt nước và bảo vệ cảnh quan môi trường: Hệ thống không gian xanh được tổ chức thành mạng lưới gắn với khung cấu trúc mặt nước là tuyến sông La Ngà, hệ thống kênh mương nội đồng, hồ nước tại khu vực. Bố trí các không gian xanh tiện ích, gắn với mặt nước tại các đô thị và điểm dân cư nông thôn, tạo cảnh quan đẹp và bảo vệ môi trường. Có giải pháp bảo vệ cảnh quan và nguồn nước mặt trên địa bàn toàn huyện, kiểm soát nguồn tài nguyên nước. Tăng cường hệ thống cây xanh trên các trục giao thông chính của các đô thị, các trục giao thông huyết mạch trên toàn huyện và các trục giao thông chính tại các xã. Đối với các khu vực đồi núi tự nhiên, hạn chế san gạt, kết hợp trồng cây cảnh quan để tạo các góc nhìn thẩm mỹ, cảnh quan; tạo hành lang cây xanh cách ly giữa khu vực sản xuất công nghiệp và khu dân cư.

7.9. Không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống công trình hành chính, trụ sở cơ quan: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang hệ thống các công trình trụ sở cơ quan phục vụ cấp xã, thị trấn trên cơ sở các công trình hiện hữu đáp ứng nhu cầu phát triển và xây dựng nông thôn mới. Nâng cấp mở rộng trụ sở xã Mê Pu và Đông Hà theo tiêu chí của đô thị loại V, đáp ứng yêu cầu phục vụ của đô thị (thị trấn mới) trong tương lai. Quy hoạch và nâng cấp mở rộng trụ sở cơ quan xã Nam Chính và Đức Chính khi sáp nhập 02 xã đảm bảo tiêu chí nông thôn mới và nhu cầu sử dụng theo quy hoạch chung xã được duyệt sau khi sáp nhập.

- Hệ thống các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất: Quy hoạch đến năm 2030, năm 2040 trên địa bàn huyện xây dựng 04 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cho 04 tiểu vùng tại xã Mê Pu, thị trấn Võ Xu, thị trấn Đức Tài, xã Trà Tân với quy mô khoảng 02 ha/trung tâm.

- Hệ thống dịch vụ thương mại: Quy hoạch đến năm 2030, năm 2040 trên địa bàn huyện có 01 trung tâm thương mại trung tâm huyện, 03 siêu thị tại thị trấn Đức Tài, Đông Hà và Mê Pu, 01 nhà trưng bày triển lãm giới thiệu các sản phẩm nông lâm nghiệp, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tại trung

tâm huyện. Toàn huyện có 18 chợ trong đó có 02 chợ hạng 3 và 14 chợ nông thôn mới, 02 chợ quy hoạch mới tại xã Đông Hà.

- Hệ thống công trình y tế: Nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa khu vực Nam Bình Thuận, Trung tâm Y tế huyện và Phòng khám đa khoa khu vực Mê Pu, Đông Hà theo hướng hiện đại hóa, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh. Cải tạo các trạm y tế hiện có tại các xã, thị trấn theo chương trình nông thôn mới.

- Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo: Sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và các điểm trường học theo hướng giảm số điểm trường lẻ các trường mầm non, tiểu học có quy mô nhỏ theo đề án sắp xếp, sáp nhập trường học của huyện để có quy mô phù hợp, đảm bảo chất lượng dạy và học. Đến năm 2030 tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) có đủ diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia trên 70% và đến năm 2040 đạt 100%. Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên của huyện mang tính chất tiêu vùng của tỉnh nhằm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hệ giáo dục thường xuyên, liên kết đào tạo hệ sơ cấp, trung cấp, đào tạo nghề cho người lao động ở địa phương và cho các cụm công nghiệp, khu du lịch dịch vụ trên địa bàn huyện. Quy hoạch bổ sung 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe tại thị trấn Đức Tài.

- Hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho mạng lưới thể dục thể thao, phát triển các loại hình cơ sở đa chức năng như trung tâm văn hóa thể dục thể thao đa năng, câu lạc bộ giải trí, thể dục thể thao...; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa thể thao từ tuyến xã, thị trấn đến thôn, khu phố.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Định hướng phát triển giao thông:

a) Quốc lộ: Định hướng quy hoạch nâng cấp đường ĐT.766 lên thành Quốc lộ 55B, đoạn qua huyện Đức Linh, chiều dài khoảng 52,8 km, trùng với hướng tuyến ĐT.766.

b) Tỉnh lộ:

- Các tuyến tỉnh lộ hiện hữu, gồm: ĐT.766; ĐT.720; ĐT.717; đường Mê Pu - Đa Kai (dự kiến đặt tên đường ĐT.766B).

- Tỉnh lộ quy hoạch mở mới, gồm: ĐT.766 đi cầu Bến Thuyền Đức Tín (đường ĐH.ĐL07); đường Mê Pu - Đồng Kho (dự kiến đặt tên ĐT.766C).

c) Hệ thống giao thông: Theo Phụ lục II đính kèm

d) Bến xe khách:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Giữ nguyên và phát triển 02 bến xe khách tại thị trấn Võ Xu và thị trấn Đức Tài. Tiếp tục nâng cấp bến xe huyện theo tiêu chuẩn bến xe loại IV.

+ Triển khai các tuyến xe bus từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã, cụm công nghiệp và các vùng liên kết xung quanh.

- Giai đoạn 2031-2040: Xây dựng bến xe mới tại thị trấn Võ Xu, vị trí mới giáp xã Vũ Hòa, phục vụ nhu cầu phát triển giao thông toàn huyện. Bến xe đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV. Bến xe thị trấn Võ Xu và thị trấn Đức Tài hiện hữu sẽ phục vụ vận tải công cộng.

8.2. Quy hoạch san nền, thoát nước khu vực đô thị:

a) Giải pháp nền:

- Đô thị, khu vực cải tạo: Xác định cao độ khống chế với tần suất chống lũ phù hợp với cao độ nền xây dựng hiện trạng. Cần có giải pháp công trình trong trường hợp không có điều kiện cải tạo nền khu vực. Chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P > 5\%$. Cụ thể:

+ Thị trấn Võ Xu: Căn cứ cao độ nền xây dựng hiện trạng, tình hình tiêu thoát nước tại khu vực, lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{XD} = 110,0m$.

+ Thị trấn Đức Tài: Căn cứ cao độ nền xây dựng hiện trạng, tình hình tiêu thoát nước tại khu vực, lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{XD} = 108,0m$.

+ Đô thị Đông Hà (dự kiến): Căn cứ cao độ nền xây dựng hiện trạng, tình hình tiêu thoát nước tại khu vực, lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{XD} = 84,0m$.

+ Đô thị Mê Pu (dự kiến): Căn cứ cao độ nền xây dựng hiện trạng và tình hình tiêu thoát nước tại khu vực, lựa chọn cao độ xây dựng khống chế $H_{XD} = 112,0m$.

- Khu công nghiệp tập trung chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P > 1\%$.

- Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư.

b) Giải pháp thoát nước mưa: Định hướng toàn bộ các đô thị và điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa. Đô thị loại 4 (dự kiến Võ Xu), có thể sử dụng hệ thống thoát riêng. Các đô thị loại 5 (đô thị Đức Tài, Mê Pu, Đông Hà), có thể sử dụng ba dạng hệ thống: Thoát nước riêng, thoát nước chung và thoát nửa riêng tùy theo điều kiện từng khu vực.

c) Lưu vực thoát nước mưa theo 03 lưu vực phụ thoát nước:

- Lưu vực 1: Bao gồm xã Đa Kai, Mê Pu, Sùng Nhon, Nam Chính, một phần Đức Tín và thị trấn Võ Xu. Tổng diện tích lưu vực khoảng 30.500 ha. Trục tiêu chính của lưu vực thoát ra sông La Ngà, kênh thủy lợi thoát lũ Võ Xu - Thác Reo.

- Lưu vực 2: Phía Tây Nam huyện, bao gồm một phần xã Đức Tín, xã Đức Hạnh, phía Tây các xã Tân Hà, Trà Tân, Đông Hà qua ĐT.766. Tổng diện tích lưu vực khoảng 7.300 ha. Trục tiêu chính của lưu vực thoát ra sông La Ngà, suối Gia Huynh.

- Lưu vực 3: Phía Đông Nam huyện, bao gồm một phần thị trấn Võ Xu, xã Đức Chính, Vũ Hòa, phía đông các xã Tân Hà, Trà Tân, Đông Hà qua ĐT.766. Tổng diện tích lưu vực khoảng 17.800 ha. Trục tiêu chính của lưu vực thoát ra suối Đá, suối Làng Cù, suối Gia Huynh.

8.3. Định hướng quy hoạch san nền, thoát nước khu vực nông thôn:

a) Giải pháp san nền cục bộ:

- Đối với khu vực xây dựng hiện hữu, san lấp tập trung; tại khu vực xây mới phải đảm bảo cốt xây dựng lớn hơn cốt không chế.

- Đối với khu dân cư mới, các dự án đầu tư quy mô lớn và cụm công nghiệp được duyệt thì cốt nền tuân thủ theo cốt xây dựng quy hoạch được duyệt.

- Đối với khu vực sản xuất nông nghiệp giải pháp chống ngập sử dụng đê bao, việc tiêu thoát nước sử dụng hỗn hợp giữa tiêu nước tự chảy, trạm bơm kết hợp với kênh thoát lũ Đức Tín - Thác Reo.

b) Về thoát nước mưa: Các điểm dân cư nông thôn có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung để phù hợp với điều kiện kinh tế. Áp dụng hệ thống thoát nước tự chảy, sử dụng hệ thống cống chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt. Hướng thoát xả về phía kênh mương thủy nông trong khu vực.

c) Các biện pháp khác:

- Tăng cường công tác quản lý, phát hiện và xử lý kịp thời khi có hiện tượng xói lở ven các bờ suối, bờ sông, có phương án kè khi có khu vực sạt lở, xây dựng công trình phải đảm bảo hành lang an toàn sông suối theo quy định.

- Đối với các cụm công nghiệp khi xây dựng cần có giải pháp kỹ thuật cần thiết để tránh hiện tượng xói lở, lũ quét.

- Đối với các khu du lịch sinh thái cần phải có quy hoạch cụ thể, không được khai thác bừa bãi nhất là các sườn núi, chân núi không được đào bới xây dựng khi chưa có quy hoạch.

- Có các giải pháp kỹ thuật, hành lang an toàn đối với các khu vực trôi tạt đất, lầy thụt, ngập lụt.

- Tổ chức nạo vét trực tiêu chính, nâng cấp cải tạo hệ thống thủy nông khu vực. Tổ chức trồng cây tạo hành lang bảo vệ cho khu vực có nền đất xung yếu.

8.4. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện:

a) Chỉ tiêu cấp điện:

- Điện sinh hoạt:

Số TT	Tên chỉ tiêu	Đô thị	Nông thôn
1	Đến năm 2030		
	Điện năng (Kwh/người năm)	400	
	Phụ tải (w/người)	200	160
2	Đến năm 2040		
	Điện năng (Kwh/người năm)	1000	
	Phụ tải (w/người)	330	160

- Điện công trình công cộng: 30 - 40% điện sinh hoạt.

- Điện công nghiệp: 50 - 200 Kw/ha.

b) Công suất:

- Tổng công suất yêu cầu giai đoạn đến 2030: 77,26 MVA.

- Tổng công suất yêu cầu giai đoạn đến 2040: 100,97 MVA.

c) Nguồn điện:

- Sử dụng nguồn điện tại trạm biến áp 110/22KV Đức Linh công suất 40MVA.

- Giai đoạn 2020-2030 quy hoạch bổ sung thêm 01 trạm 110/22KV Đức Linh 2 ở khu vực Trà Tân - Đông Hà, công suất 40MVA; giai đoạn 2030-2040 nâng trạm 110/22KV Đức Linh 1 công suất 63MVA.

- Trạm Đức Linh 2 hình thành trên cơ sở cấp điện cho các cụm công nghiệp và dân cư quanh khu vực Trà Tân, Đông Hà.

- Quy hoạch mới 01 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, với diện tích đất sử dụng gần 50 ha, quy mô công suất khoảng 42 MW trên địa bàn xã Đức Hạnh.

d) Mạng lưới:

- Lưới điện cao thế: Xây dựng mới đường dây 110kV trên đường dây 110kV đầu nối với trạm 110KV Đức Linh 2 - Xuân Trường, chiều dài khoảng 2,0km.

- Lưới điện trung thế:

+ Từ trạm 110KV Đức Linh có 04 lộ xuất tuyến giữ nguyên và cải tạo (T471ĐL, T472ĐL, T473ĐL, T474ĐL).

+ Từ trạm 110KV Đức Linh 2 dự kiến xây dựng mới 03 lộ tuyến đường dây mạch đơn cấp điện cho các xã Trà Tân, Đông Hà, Tân Hà và cụm công nghiệp phía Nam.

- Lưới điện hạ thế và trạm biến áp:

+ Trạm hạ thế trong các cụm công nghiệp và các nhà máy sản xuất, theo thiết kế về quy mô, vị trí theo quy hoạch chi tiết và dự án được duyệt.

+ Các khu dân cư, đô thị từng bước nâng cấp cải tạo các trạm biến áp; nên sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hợp bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Hệ thống điện hạ thế, sử dụng cấp điện áp 380/220V 03 pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp. Với khu đô thị mới đầu tư đồng bộ, lưới điện hạ thế đi ngầm hoặc dây nổi có vỏ bọc. Vùng ngoại thị hoặc khu dân cư chưa ổn định về quy hoạch có thể đi nổi bằng cáp vặn xoắn.

+ Lưới hạ thế có bán kính cấp điện không quá 300 m trong đô thị, không quá 500 m phạm vi ngoài đô thị nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây quá định mức cho phép.

- Lưới điện chiếu sáng: Xây dựng hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng đèn đường, chiếu sáng cảnh quan, chiếu sáng tại các công trình công cộng. Các tuyến chiếu sáng trục chính sử dụng chiếu sáng độc lập bằng hệ thống cột thép mạ kẽm để tạo vẻ mỹ quan. Trong khu dân cư lưới điện chiếu sáng đi chung cột với tuyến lưới điện hạ thế.

8.5. Định hướng phát triển hệ thống viễn thông:

- Hệ thống chuyển mạch: Cung cấp đa dịch vụ dựa trên hạ tầng mạng NGN (IPTV, Voice Conference, Video Conference, VoD, Mạng riêng ảo...) cùng các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin khác. Mạng NGN sẽ được triển khai song song với mạng chuyển mạch kênh hiện có. Đến thời điểm thích hợp sẽ loại bỏ hoàn toàn mạng TDM.

- Mạng truyền dẫn: Thực hiện cáp quang hóa toàn huyện, phát triển cáp quang đến tất cả các trạm viễn thông, trạm truy nhập, các tuyến cáp quang nội tỉnh đến các trạm viễn thông quy hoạch.

- Hệ thống mạng ngoại vi: Giai đoạn đến 2030 ngầm hóa 25-30% hạ tầng mạng cáp viễn thông, truyền hình hiện tại; đối với các dự án mới (tuyến đường mới, khu đô thị mới...) ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp (ngầm đến hộp cáp). Giai đoạn 2040 ngầm hóa 30-40% hạ tầng mạng cáp viễn thông, truyền hình hiện tại; đối với các dự án mới (tuyến đường mới, khu đô thị mới...) ngầm hóa 100% hạ tầng mạng ngoại vi (ngầm đến hộp cáp).

- Mạng di động phát triển theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp (sử dụng chung hệ thống nhà trạm, trụ ăng ten, cáp quang...) trên cơ sở giảm số lượng các cột ăng ten công kênh.

8.6. Định hướng cấp nước:

a) Nguồn nước: Chủ yếu từ sông La Ngà.

b) Quy hoạch cấp nước và phân vùng cấp nước:

- Đến năm 2030 trên địa bàn huyện có 05 nhà máy cấp nước, gồm: Nhà máy cấp nước Võ Xu, nhà máy nước cấp nước Đa Kai, nhà máy nước cấp Đức Tín, nhà máy cấp nước Trà Tân, nhà máy cấp nước Đông Hà.

- Phân vùng cấp nước, gồm 04 vùng cấp nước chính:

+ Vùng 1: Nhà máy cấp nước Võ Xu cấp cho Thị trấn Võ Xu và 04 xã: Đức Chính, Nam Chính, Vũ Hòa, Mê Pu; Nhà máy cấp nước Sùng Nhơn - Đa Kai cấp nước bổ sung cho 02 xã Đakai, Sùng Nhơn.

+ Vùng 2: Nhà máy cấp nước Đức Tín cấp cho thị trấn Đức Tài và 04 xã: Đức Tín, Đức Hạnh, Tân Hà; giai đoạn đầu cấp thêm cho xã Đông Hà.

+ Vùng 3: Nhà máy cấp nước Trà Tân cấp cho xã Trà Tân.

+ Vùng 4: Nhà máy cấp nước Đông Hà cấp cho xã Đông Hà và các cụm công nghiệp tại xã Đông Hà, Trà Tân.

c) Nhu cầu cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt toàn huyện đến 2030 khoảng 18.700 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 24.600 m³/ngày đêm; trong đó:

+ Cấp cho đô thị: Đến năm 2030 khoảng 8.100 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 12.400 m³/ngày đêm.

+ Cấp cho dân cư nông thôn: Đến năm 2030 khoảng 10.600 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 12.200 m³/ngày đêm.

- Tổng nhu cầu dùng nước sản xuất công nghiệp toàn huyện đến 2030 khoảng 15.000 m³/ngày đêm, đến 2040 khoảng 20.000 m³/ngày đêm.

- Tổng nhu cầu dùng nước của huyện Đức Linh đến năm 2030 khoảng 33.700 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 44.600 m³/ngày đêm.

8.7. Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

a) Lưu lượng thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt toàn huyện đến 2030 khoảng 15.000 m³/ngày đêm, đến 2040 khoảng 19.700 m³/ngày đêm; trong đó:

+ Tại đô thị: Đến năm 2030 khoảng 6.500 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 10.000 m³/ngày đêm.

+ Tại các điểm dân cư nông thôn: Đến năm 2030 khoảng 8.500 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 9.700 m³/ngày đêm.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp toàn huyện đến 2030 khoảng 15.000 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 19.900 m³/ngày đêm.

b) Mạng lưới thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt đối với đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, có các trạm xử lý nước thải riêng biệt.

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn: Trung tâm các xã, cụm dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải. Khi điều kiện cho phép sẽ xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung và đồng bộ.

- Nước thải sản xuất, chăn nuôi: Các khu vực xây dựng chuồng trại, chăn nuôi gia súc, gia cầm, yêu cầu xây dựng cách xa nhà ở, xa giếng nước để đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh. Các khu vực chăn nuôi lớn có tính chất tập trung cần xây dựng các bể Biogas để tận dụng khí đốt và giải quyết vệ sinh môi trường.

- Nước thải công nghiệp: Nước thải khu vực sản xuất công nghiệp tập trung cần thu gom bằng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải công nghiệp sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường. Các nhà máy sản xuất công nghiệp và cụm công nghiệp không tập trung sẽ có hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải riêng, nước thải tập trung về các trạm làm sạch để xử lý, các trạm làm sạch sẽ được xây dựng độc lập đối với từng dự án và được phân theo các vùng.

8.8. Định hướng quản lý chất thải rắn:

a) Khối lượng chất thải rắn (CTR):

- Tổng khối lượng CTR sinh hoạt toàn huyện đến năm 2030 khoảng 96 tấn/ngày, đến năm 2040 khoảng 121 tấn/ngày.

- Tổng khối lượng CTR sản xuất công nghiệp toàn huyện đến năm 2030 khoảng 49,72 tấn/ngày, đến năm 2040 khoảng 99,43 tấn/ngày.

- Tổng khối lượng CTR nguy hại phát sinh trong sản xuất nông nghiệp toàn huyện đến năm 2030 khoảng 18,75 tấn/năm, đến năm 2040 khoảng 22,69 tấn/năm.

b) Mạng lưới bố trí:

- Đối với CTR sinh hoạt: Sử dụng bãi chôn lấp CTR hiện có của huyện tại xã Nam Chính và đầu tư xây dựng khu liên hợp tái chế và xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại Nam Chính, quy mô 6,63 ha tại bãi chôn lấp CTR xã hiện nay với công nghệ tổng hợp như tái chế, sản xuất phân vi sinh....

theo chủ chương đầu tư tại Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với CTR công nghiệp: Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp. Việc xử lý triệt để CTR sản xuất sẽ được thực hiện tại khu liên hợp xử lý CTR Nam Chính.

- Đối với CTR nông nghiệp: Các vùng sản xuất nông nghiệp (vùng trồng lúa, vùng trồng rau, vùng trồng cây ăn quả, vùng chăn nuôi tập trung...) cần quy hoạch hệ thống thu gom bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và xử lý theo quy trình chất thải rắn nguy hại. Đối với chất thải rắn phát sinh từ các sản phẩm nông nghiệp (như: Rơm rạ, thân cây trồng, phân gia súc, gia cầm...) phần lớn tái sử dụng làm thức ăn cho gia súc, phần còn lại xử lý bằng phương pháp ủ phân vi sinh, đốt tại chỗ.

8.9. Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Sử dụng các nghĩa trang hiện có ở các xã để tiếp tục chôn cất, lấp đầy các nghĩa trang này đảm bảo quy định môi trường. Về lâu dài đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ, không đảm bảo các quy định về môi trường, khoảng cách an toàn tới khu dân cư, tiến hành đóng cửa nghĩa trang và quy hoạch nghĩa trang tập trung mới đảm bảo các quy định theo quy chuẩn.

- Các thị trấn Võ Xu, Đức Tài, đô thị Mê Pu, Đông Hà sẽ quy hoạch các nghĩa địa tập trung, đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ.

- Các xã nông thôn tiếp tục an táng tại các nghĩa địa ở các thôn, từng bước đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ và tiến tới quy hoạch mỗi xã có 01 nghĩa địa tập trung.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

9.1. Đánh giá tác động quy hoạch đến môi trường:

a) Các vấn đề về môi trường kinh tế - xã hội: Quá trình phát triển các đô thị, các khu đô thị mới, cụm công nghiệp, khai thác có thể gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân; công tác chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất cũng kéo theo các vấn đề về dân sinh, các hộ dân có đất ở, đất sản xuất nằm trong diện quy hoạch sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tìm chỗ ở mới, chuyển đổi nghề nghiệp...; sự hình thành, phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp... sẽ góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm nhưng cũng gây ra các áp lực về trật tự, an ninh xã hội cho các khu vực phát triển.

b) Suy giảm trữ lượng và chất lượng nước mặt:

Hoạt động	Thành phần chất ô nhiễm	Khu vực và mức độ tác động
Phát triển đô thị, hệ thống dân cư	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD ₅ , COD, SS, tổng P, tổng N cao; vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa..	Môi trường nước mặt, nước ngầm: <i>Mức độ tác động mạnh.</i>
Phát triển công nghiệp, làng nghề	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD ₅ , COD, SS, tổng P, tổng N cao; kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa, chất hoạt động bề mặt..	Môi trường nước mặt, nước ngầm: <i>Mức độ tác động rất mạnh.</i>
Khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng	Chứa thành phần: SS, COD, Kim loại nặng, chất tẩy rửa, chất hữu cơ...	Môi trường nước mặt, nước ngầm; nguy cơ bồi lắng lòng sông: <i>Mức độ tác động rất mạnh</i>
Phát triển du lịch	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD ₅ , COD, SS, tổng P, tổng N cao; vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa..	Môi trường nước mặt; Trữ lượng nước ngầm; <i>Mức độ tác động mạnh.</i>
Phát triển hệ thống y tế	Các chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng, các chất rắn lơ lửng và các vi trùng, vi khuẩn gây bệnh.	Môi trường nước mặt: <i>Tác động mạnh</i>
Phát triển nông nghiệp, thủy sản	Các chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng; các chất độc hữu cơ, kim loại nặng, thuốc kháng sinh, vi trùng, vi khuẩn gây bệnh...	Môi trường nước mặt. Tác động trung bình (có thể mạnh nếu việc kiểm soát sd hóa chất không được thực hiện tốt)

c) Suy giảm chất lượng không khí, tiếng ồn:

Hoạt động gây tác động	Thành phần chất ô nhiễm	Khu vực và mức độ tác động
Phát triển đô thị, hệ thống dân cư	Các chất ô nhiễm không khí như bụi, khí CO, SO ₂ , VOC...	Tác động môi trường không khí dạng điểm. <i>Mức độ tác động trung bình.</i>
Phát triển khu, cụm công nghiệp, làng nghề	Các chất ô nhiễm không khí như bụi, khí CO, SO ₂ , NO _x , VOC, ...tiếng ồn	Tác động môi trường không khí dạng điểm, khu vực. <i>Mức độ tác động rất mạnh.</i>
Khu khai thác mỏ, vật liệu xây dựng...	Các thành phần gây ô nhiễm không khí như bụi, tiếng ồn, khí CO, SO ₂ ...	Tác động môi trường không khí dạng điểm, khu vực. <i>Mức độ tác động rất mạnh.</i>
Phát triển nông nghiệp	Các chất ô nhiễm không khí như CO, CH ₄ , NH ₃ , SO ₂ , NO _x , VOC, hơi hóa chất...	Môi trường không khí dạng điểm, có thể diện và theo thời điểm (mùa vụ). <i>Mức độ tác động trung bình.</i>
Phát triển giao thông vận tải và xây dựng	Phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải động cơ : CO ₂ , CO, SO ₂ , NO _x , Pb...	Tác động môi trường dạng điểm và tuyến, <i>Mức độ tác động trung bình đến mạnh.</i>

d) Suy thoái chất lượng đất: Các chất thải công nghiệp phát sinh nếu không được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, các thành phần ô nhiễm đi vào đất, gây ô nhiễm môi trường đất, có thể thẩm thấu, ngấm xuống mạch nước ngầm, gây ô nhiễm môi trường nước. Các hoạt động khai thác vật liệu xây dựng cũng làm gia tăng nguy cơ suy thoái môi trường đất, gia tăng sạt lở bờ sông, các vấn đề liên quan đến địa chất, thủy văn trong khu vực.

e) Suy giảm đa dạng sinh học và vấn đề về biến đổi khí hậu:

- Nhiệt độ gia tăng cùng độ ẩm cao là cơ hội cho dịch bệnh phát triển, ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân, đặc biệt là người già và trẻ nhỏ. Nhiệt độ gia tăng cũng làm mùa vụ bị thay đổi (mùa đông có thể rút ngắn), đòi hỏi thay đổi kỹ thuật canh tác, cùng với đó là tình hình dịch bệnh, thiên tai gia tăng là sức ép lớn đối với ngành nông nghiệp, an ninh lương thực địa phương. Nhiệt độ gia tăng, các nhu cầu về năng lượng, nước sạch tăng cao, gây sức ép lớn lên nguồn tài nguyên thiên nhiên, vấn đề nước thải và xử lý môi trường.

- Thay đổi lượng mưa:

+ Sự gia tăng lượng mưa trong mùa mưa bão sẽ làm tình hình ngập úng cục bộ, nguy cơ tổn thất do mưa bão, sự cố vỡ đê... tăng cao gây nguy hại đến chất lượng cuộc sống, đe dọa tính mạng, tài sản của nhân dân, nguy cơ thiệt hại cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng, sản lượng năng suất cây trồng...

+ Sự giảm lượng mưa trong mùa khô cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cuộc sống của người dân. Tình hình hạn hán, thiếu nước sinh hoạt, sản xuất sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong các tháng mùa khô, ảnh hưởng rất nhiều tới tính hình sản xuất (đặc biệt nông nghiệp) và sinh hoạt của người dân.

9.2. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Phân vùng bảo vệ môi trường: Khu vực nghiên cứu quy hoạch được chia thành 05 khu vực bảo vệ chính:

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng các công trình hài hòa, phù hợp, gắn với bảo vệ cảnh quan cây xanh, mặt nước; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phát sinh trong khu vực, giải pháp phòng chống ngập lụt và các tai biến thiên nhiên.

- Khu vực nông thôn: Xây dựng khu dân cư với mật độ xây dựng thấp, phát triển hài hòa cảnh quan và môi trường. Bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng môi trường sống văn minh, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

+ Khu vực phát triển công nghiệp: Định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, hướng tới “sạch” không gây ô nhiễm môi trường, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường công nghiệp hàng năm. Xây dựng hệ thống thu

gom và xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; Tăng cường công tác quản lý, nâng cao trách nhiệm, trình độ, kỹ năng của các cán bộ chuyên trách môi trường.

- Khu vực phát triển văn hóa, du lịch: Phát triển du lịch, gắn với bảo vệ môi trường, phát huy các giá trị văn hóa địa phương; thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý ô nhiễm; bảo vệ các công trình di tích, lịch sử, văn hóa khu vực, nghiêm cấm các hành vi phá hoại, gây ảnh hưởng đến các giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng của các quần thể, công trình.

- Khu vực nông nghiệp: Phát triển nền nông nghiệp sạch, hiện đại; kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn bán, sử dụng hóa chất bảo vệ thực phẩm, chế phẩm nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi; thực hiện tốt công tác thu gom chất thải nguy hại trong nông nghiệp (bao bì hóa chất, thuốc kháng sinh...)

- Khu vực đất lâm nghiệp: Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tạo không gian xanh, cải tạo môi trường vi khí hậu của địa phương; có kế hoạch khai thác hợp lý, hiệu quả, tăng cường trồng rừng, phủ xanh đất trống.

b) Các quy định cụ thể nhằm quản lý các nguồn và hoạt động tác động đến môi trường trong khu vực quy hoạch như sau:

Khu vực nhạy cảm môi trường	Các quy định quản lý cụ thể
Khu vực phát triển công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cụm công nghiệp đặt ở vị trí không nằm trong khu dân cư và ở cuối hướng gió; đảm bảo khoảng cách ly tối thiểu với khu vực dân cư và tỷ lệ đất cây xanh trong cụm công nghiệp (trong đó có cây xanh cách ly) được bố trí phù hợp theo quy chuẩn. - Các khu vực khai khoáng, cần tuân thủ thực hiện đánh giá tác động và cam kết bảo vệ môi trường; thực hiện hoàn thổ sau khai thác.
Lưu vực sông, suối và ven hồ cảnh quan tự nhiên	<p>Các thủy vực trong khu vực như ven sông, ngòi, kênh, rạch các hồ cảnh quan... cần đảm bảo vùng đệm xanh cách ly tối thiểu 20 m tới công trình xây dựng.</p>
Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (đường giao thông, bãi đỗ xe, nhà máy xử lý nước thải, nghĩa trang...)	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cách ly cây xanh đối với công trình ven trục giao thông tối thiểu 5-10 m. - Khu vực bãi đỗ xe: Cần tính toán việc trồng cây xanh bao phủ xung quanh bãi đỗ xe, nghiên cứu biện pháp bố trí khuất tầm mắt không gây ảnh hưởng đến khu dân cư - Khu vực xây dựng nghĩa trang tập trung đảm bảo khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư phù hợp theo quy chuẩn và phải có hệ thống bảo vệ môi trường. - Khu vực xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn đảm bảo

Khu vực nhạy cảm môi trường	Các quy định quản lý cụ thể
	khoảng cách ly tới khu dân cư theo quy chuẩn. - Hệ thống xử lý nước thải: Vùng đệm khu xử lý nước thải sẽ xây dựng hàng rào quanh công trình, trồng cây xanh.

10. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

a) Các chương trình, dự án tập trung:

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị và xây dựng nông thôn.
- Hoàn thành cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng hình thành các khu dân cư kiểu mẫu, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, đáp ứng các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu.

Vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn.

(Danh mục dự án ưu tiên đầu tư theo Phụ lục III đính kèm)

b) Nguồn vốn:

- Ưu tiên vốn của ngân sách nhà nước cho phát triển hệ thống giao thông liên kết thị trấn Võ Xu, thị trấn Đức Tài với các điểm đô thị, trung tâm xã
- Thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà ở đô thị và một số cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị... theo hình thức BOT, BT, FDI.
- Huy động sự đóng góp của nhân dân, xã hội hóa một số dự án như đường giao thông liên thôn, liên xã.
- Kêu gọi vốn đầu tư của các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân, sử dụng ngân sách của huyện hoặc hỗ trợ ngân sách của tỉnh để đầu tư cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện thấp sáng) tại các khu vực phát triển du lịch.

11. Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện: *Theo Phụ lục IV đính kèm.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm kiểm tra và xác nhận hồ sơ bản vẽ thiết kế quy hoạch kèm theo.

- Cùng các sở, ngành liên quan theo dõi, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh triển khai thực hiện; kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo nếu có khó khăn vướng mắc.

2. Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh:

- Tổ chức công bố, thông báo công khai đồ án quy hoạch vùng được phê duyệt (thời gian và nội dung công bố thực hiện theo quy định); triển khai công tác cắm mốc giới quy hoạch và tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới ngoài thực địa.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình để tổ chức thực hiện theo nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt; quản lý chặt chẽ việc triển khai thực hiện; chủ động, phối hợp với các cơ quan chức năng trong trường hợp huy động các nguồn vốn thực hiện đầu tư theo quy định.

- Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch và xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh; Giám đốc Công ty Điện lực Bình Thuận và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Lưu: VT, KT, ĐTQH. Thiện

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai